

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/DS-ST
Ngày: 30-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty J.

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà C, 219 phố T, phường Y, Quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 2003 -Chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2025) - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22, khu phố 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2025, lời trình bày của ông Nguyễn Xuân H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 18/11/2021, bà N và Ngân hàng T có ký Hợp đồng cho vay số LN2110084462683 để bà N vay số tiền là 966.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Toyota, Camry sản xuất mới 100%. Lãi suất vay (trong hạn) tại thời điểm giải ngân là 6,8%/năm, cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay được hai bên thỏa thuận tại điểm b, c, d, e, f Điều 2 của hợp đồng cho vay nêu trên.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà N thế chấp một xe ô tô hiệu Toyota, Camry do bà N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Việc thế chấp được hai bên có ký Hợp đồng thế chấp số LN2110084462683 ngày 22/10/2021 và có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/11/2021.

Ngày 30/6/2022, Ngân hàng T đã bán khoản nợ của bà N qua cho Công ty G. Việc mua bán nợ, hai bên có lập Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023, có đính kèm Phụ lục hợp đồng mua bán nợ ngày 20/9/2023 về nội dung khoản nợ của bà N. Ngày 12/7/2024, Công ty G bán khoản nợ của bà N cho Công ty J (gọi tắt là Công ty J). Việc mua bán nợ, được hai bên lập Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER, có đính kèm Phụ lục số 02 ngày 12/7/2024 về nội dung khoản nợ của bà N.

Quá trình vay, bà N đã trả được số tiền gốc là 110.687.509 đồng. Đến tháng 11/2022, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Sau khi mua khoản nợ của bà N thì Công ty J nhiều lần đòi bà N trả nợ nhưng bà N không trả. Bà N còn nợ lại số tiền gốc là 855.312.491 đồng, số tiền lãi trong hạn là 66.241.117 đồng, lãi quá hạn là 554.931.431 đồng. Bà N đã trả được tổng số tiền lãi là 56.864.751 đồng. Do đó, tổng số tiền lãi mà bà N còn nợ lại là 564.307.797 đồng.

Nay, Công ty J khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc 855.312.491 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2025 là 564.307.797 đồng. Trong trường hợp bà N không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà N phải tiếp tục trả nợ cho Công ty J cho đến khi hết khoản nợ.

Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà Ngọc không có mặt để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Theo Hợp đồng cho vay số LN2110084462683 ngày 18/11/2021 và thể hiện bà N có vay từ Ngân hàng T số tiền là 966.000.000 đồng. Bà N có ký, ghi tên, lăn tay vào hợp đồng cho vay nêu trên. Bà N không cung cấp chứng cứ chứng minh tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng bị lừa dối, ép buộc. Do đó, việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng cho vay nêu trên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Bảng kê tính lãi tạm tính đến ngày 25/3/2025, 30/6/2025 thể hiện bà N đã trả một phần số tiền nợ gốc là 110.687.509 đồng và số tiền lãi là 56.864.751 đồng. Đến tháng 11/2022, bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi. Số tiền nợ gốc mà bà N còn nợ là 855.312.491 đồng và tổng số tiền lãi mà bà N còn nợ là 564.307.797 đồng.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 và Phụ lục hợp đồng mua bán nợ ngày 20/9/2023 thể hiện Ngân hàng T bán khoản nợ của bà N cho Công ty G. Theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER ngày 12/7/2024 và Phụ lục 02 Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER thể hiện Công ty G bán khoản nợ của bà N cho Công ty J. Việc bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên nên Công ty J có quyền khởi kiện để yêu cầu bà N trả nợ là có căn cứ.

Bà N không tham gia tố tụng cũng không có ý kiến, chứng cứ chứng minh bà đã trả số tiền nợ gốc và lãi còn lại cho Công ty J nên việc Công ty khởi kiện buộc bà N trả số tiền nợ gốc là 855.312.491 đồng và tổng số tiền nợ lãi tính đến ngày 30/6/2025 là 564.307.797 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Theo Hợp đồng thế chấp số LN2110084462683 ngày 22/10/2021 thể hiện bà N có thể chấp một xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Camry, số khung MR2BF3HK404016170, số máy 2AR2665352 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020349 cho Ngân hàng T để đảm bảo cho khoản vay của bà N. Việc thế chấp trên đã được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2021. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, các bên tham gia ký kết đều đủ năng lực hành vi dân sự, các bên không chứng minh được việc ký kết hợp đồng là bị ép buộc, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp cũng thuộc quyền sở hữu của bà N và được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho bà N theo đúng quy định pháp luật. Cho nên, việc thế chấp đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ cho nguyên đơn nên căn cứ vào mục (ii) Điều 7 và Điều 8 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà N phải tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 317, 320, 321, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J đối với bị đơn bà Lê Thị N về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Lê Thị N phải thanh toán cho Công ty J số tiền nợ gốc là 855.312.491 đồng (tám trăm năm mươi lăm triệu ba trăm mười hai nghìn bốn trăm chín mươi một đồng) và số tiền nợ lãi là 564.307.797 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Từ ngày 01/7/2025 tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LN2110084462683 ngày 18/11/2021 cho đến khi bà Lê Thị N thanh toán hết nợ cho Công ty J. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì số tiền lãi mà bà Lê Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Công ty J cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Bản án có hiệu lực thi hành, bà Lê Thị N không thanh toán được khoản nợ trên thì Công ty J được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là một xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Camry, màu trắng, biển số 61A-977.56, số máy 2AR2665352, số khung MR2BF3HK404016170 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020349 đứng tên bà Lê Thị N, được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2021 và theo Hợp đồng thế chấp số LN21100884462683 ngày 22/10/2021.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Công ty J thì bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty J không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.175.919 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm mười chín đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000077 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bà Lê Thị N phải chịu 54.588.609 đồng (năm mươi bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm lẻ chín đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị N phải chịu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để hoàn lại cho Công ty J.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An